

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2022/HC-PT

Ngày 03 tháng 8 năm 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết
kiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 278/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1271/2022/QĐPT-HC ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn C, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Xóm 9, thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan M, sinh năm 1958. Địa chỉ liên hệ: Số 7A/162, đường T, phường 1X, quận 1X, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L - Chánh thanh tra Sở T tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Văn Đ - Luật sư, Cộng tác viên Trung tâm Tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ: Số 5C T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T - Chủ tịch (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Đức Đ - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt).
2. Ông Dương Minh T- Phó giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất (vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân xã C, huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1988 Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện - ông Nguyễn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 26/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2322/QĐ-UBND thu hồi 20,5m² đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn C để xây dựng công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T. Tiếp tục thực hiện dự án trên, ngày 25/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 6885/QĐ-UBND thu hồi 6.850,8m² của hộ ông Nguyễn C. Tổng diện tích đất của hộ ông Nguyễn C bị thu hồi là 6.871,3m².

Ngày 19/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 9893/QĐ-UBND về việc không bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn C về đất và tài sản trên đất đối với tổng diện tích đất thu hồi trên vì lý do toàn bộ diện tích thu hồi đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính năm 2009, không đủ điều kiện để bồi thường về đất.

Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2735/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn C với số tiền là 21.644.595 đồng; đây là khoản hỗ trợ 30% giá đất đối với diện tích 6.871,3m².

Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3895/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn C với số tiền 49.315.275 đồng; đây là khoản hỗ trợ khác 30% công đào ao.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện T, ông Nguyễn C đã có đơn khiếu nại.

Ngày 26/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 381/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn C.

Ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2346/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn C.

Quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 14/02/2017 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 342/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn C với số tiền là 83.380.905 đồng, gồm: Hỗ trợ bổ sung về đất là 50.504.055 đồng, hỗ trợ bổ sung về công đào ao là 32.876.850 đồng (Hỗ trợ 70% về đất và 50% công đào ao).

Ngày 30/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2587/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn C với số tiền là 111.051.585 đồng, gồm: Hỗ trợ bổ sung về đất là 28.859.460 đồng, hỗ trợ bổ sung về công đào ao là 82.192.125 đồng (Hỗ trợ 70% về đất theo giá đất cụ thể và 100% công đào ao).

Ông Nguyễn C cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có một phần nội dung trái pháp luật, bởi lẽ:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất bị thu hồi là do ông Trần Ngọc T khai hoang năm 1975. Do đất bị nhiễm mặn nên ông Trần Ngọc T chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông năm 2009. Ông đào hồ nuôi tôm đã qua một vụ, năm 2009 ông bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất với diện tích 8.309m² (gồm 6.871,3m² bị thu hồi). Ông vẫn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên mà không khiếu nại vì ông đã đầu tư quá lớn vào đất.

Theo ông, từ thời điểm chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến khi bị thu hồi đất, ông vẫn sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, hết hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì diện tích đất thu hồi của gia đình ông đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện để bồi thường về đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện T chỉ hỗ trợ chứ không bồi thường về đất là không có căn cứ.

Do vậy, ông Nguyễn C khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C trú tại Xóm 9, thôn H, xã H (lần đầu);

Hủy một phần Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C trú tại Xóm 9, thôn H, xã H, huyện T (lần hai);

Công nhận phần diện tích đất 6.871,3m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn C và buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Ngày 05/02/2018, Sở T tỉnh Bình Thuận có văn bản số 505/STNMT-TTr cho rằng: Việc ông Nguyễn C khiếu nại đối với Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B tiến hành xác minh, làm việc, thu thập tài liệu, giao cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường thực hiện báo cáo xác minh; tổ chức đối thoại với người khiếu nại, ban hành Thông báo Kết luận số 346/TB-UBND ngày 25/11/2016 và Công văn số 2741/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2018; trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2346/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có nội dung đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thông nhất với Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C (lần 2).

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống tập trung tại xã C, huyện T là không có căn cứ, bởi lẽ: Phần diện tích 6.871,3m² của hộ ông Nguyễn C không đủ điều kiện để được nhà nước bồi thường về đất. Việc nâng mức chi hỗ trợ khác theo Công văn số 2174/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với các hộ dân có đất thu hồi nhưng không đủ điều kiện bồi thường tại dự án sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T là UBND tỉnh đã vận dụng pháp luật hết mức cho phép, hết sức quan tâm đến quyền, lợi ích của người bị thu hồi đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Ủy ban nhân dân xã C trình bày: Thông nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện T, đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án số 05/2022/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C về việc yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C trú tại Xóm 9, thôn H, xã H, huyện T (lần hai);

Hủy Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C trú tại Xóm 9, thôn H, xã H (lần đầu); Công nhận phần diện tích đất 6.871,3m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn C và buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 08/2/2022, ông Nguyễn C kháng cáo bản án sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn C trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C vì tại khu vực này có 20 hộ bị thu hồi đất để thực hiện dự án nuôi tôm giống nhưng có những hộ được bồi thường 100% quyền sử dụng đất vì họ không có Quyết định xử phạt. Hộ của ông

Nguyễn C từ thời điểm chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến khi bị thu hồi đất vẫn sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, hết hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, đủ điều kiện bồi thường về đất.

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh B bày ý kiến: Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C, vì phần diện tích 6.871,3m² của hộ ông Nguyễn C không đủ điều kiện để được nhà nước bồi thường về đất. Việc nâng mức chi hỗ trợ khác theo Công văn số 2174/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với các hộ dân có đất thu hồi nhưng không đủ điều kiện bồi thường tại dự án sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T là UBND tỉnh đã vận dụng pháp luật hết mức cho phép.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn C tranh luận: Phía người bị kiện cho rằng đã có quyết định xử lý vi phạm hành chính nên không được bồi thường là không có cơ sở. Vì đã có một số trường hợp cũng bị xử phạt vi phạm hành chính và vẫn tiếp tục sử dụng đất. Sau đó họ được xét đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên họ đủ điều kiện bồi thường.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày tranh luận: Thống nhất với bản án sơ thẩm. Việc ủy ban không bồi thường cho ông Nguyễn C là đúng pháp luật vì hộ ông Nguyễn C đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Về một số vụ án ông Nguyễn C đưa ra, một số hộ thời điểm xử phạt trước 01/7/2004 và một số hộ thời điểm xử phạt sau 01/7/2004 dẫn đến việc giải quyết khác nhau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Ông Nguyễn C kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T

vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt). Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/2/2016 (lần đầu) và hủy một phần Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C (lần hai). Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2346/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn C. Ngày 24/8/2017, ông Nguyễn C nhận được quyết định trên. Ngày 06/9/2017, ông Nguyễn C khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính vẫn còn theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND huyện T (về việc giải quyết khiếu nại lần đầu) và Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (về việc giải quyết khiếu nại lần hai) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011. Về thời hạn giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận chưa đảm bảo nhưng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại.

[5]. Xét tính hợp pháp về nội dung của Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[5.1]. Về nguồn gốc đất thu hồi của hộ ông Nguyễn C: Theo người khởi kiện, nguồn gốc đất bị thu hồi là do ông Trần Ngọc T khai hoang năm 1975. Do đất nhiễm mặn nên ông Trần Ngọc T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn C năm 2009. Xét thấy, diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất 8.309m² bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn, chiếm đất theo Quyết định số 127/QĐ-CTUBTP ngày 29/7/2009. Sau khi xử lý vi phạm hành chính, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không thu hồi diện tích đất lấn, chiếm trên nên ông Nguyễn C tiếp tục sử dụng để nuôi trồng thủy sản cho đến khi có quyết định thu hồi đất.

Mặt khác, hộ ông Nguyễn C sử dụng phần đất trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến thời điểm thu hồi đất mà thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn C là đất nông nghiệp sau ngày 01/7/2004. Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013, diện tích đất trên của hộ ông Nguyễn C không đủ điều kiện để được bồi thường.

Như vậy, ý kiến của phía ông Nguyễn C trình bày cho rằng Hộ của ông Nguyễn C từ thời điểm chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến khi bị thu hồi đất vẫn sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nên đủ điều kiện bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T không bồi thường về đất mà chỉ hỗ trợ 70% giá đất đối với diện tích đất thu hồi 6.871,3m² là phù hợp quy định của pháp luật. Quyết định 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND huyện T và Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn C đối với các nội dung nêu trên là đúng qui định của pháp luật.

[5.2] Về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất khi nhà nước thu hồi đất:

Xét tại Biên bản đo đạc, kiểm kê tài sản ngày 15/7/2014 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư không thể hiện trên đất có tài sản gì; ông Nguyễn C cũng không chứng minh được thiệt hại do ngừng sản xuất nên các yêu cầu này của ông Nguyễn C không có căn cứ.

Ý kiến tranh luận của người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn C đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C, sửa án sơ thẩm theo hướng hủy quyết định Quyết định 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND huyện T và hủy một phần Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là không có cơ sở chấp nhận. Có cơ sở chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

[6] Từ sự phân tích trên, xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông Nguyễn C không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[8]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn C thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên xét miễn án phí cho ông Nguyễn C.

[10] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 21, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu

nại; Điều 25, Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C về việc yêu cầu:

Hủy một phần Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C trú tại Xóm 9, thôn H, xã H, huyện T (lần hai);

Hủy Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn C trú tại Xóm 9, thôn H, xã H (lần đầu); Công nhận phần diện tích đất 6.871,3m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn C và buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện hành vi bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông theo quy định của pháp luật.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Nguyễn C phải chịu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020967 ngày 09/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, 18b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa